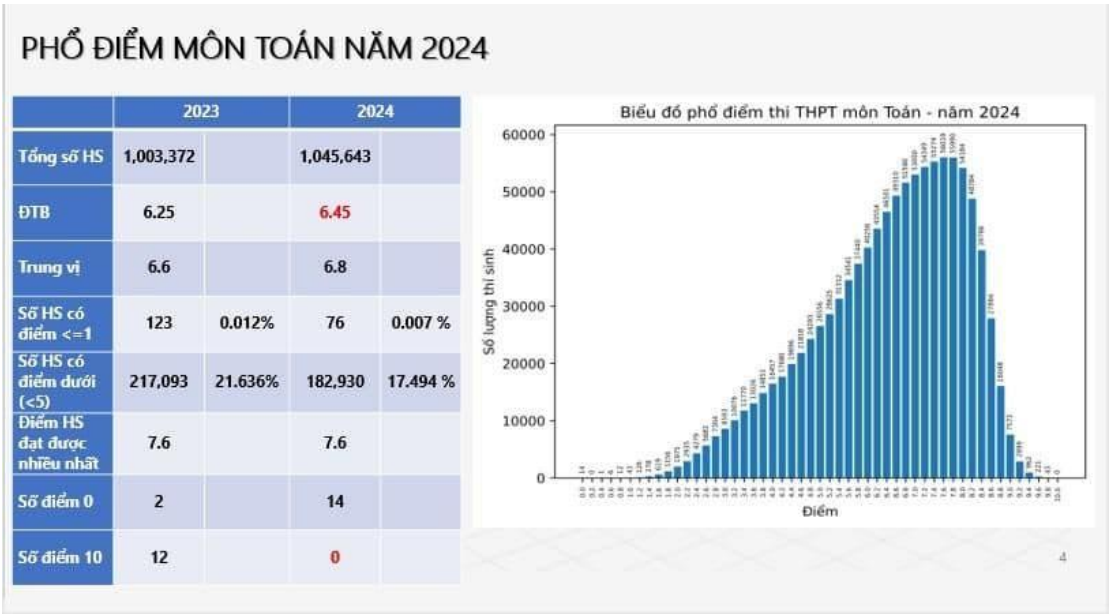


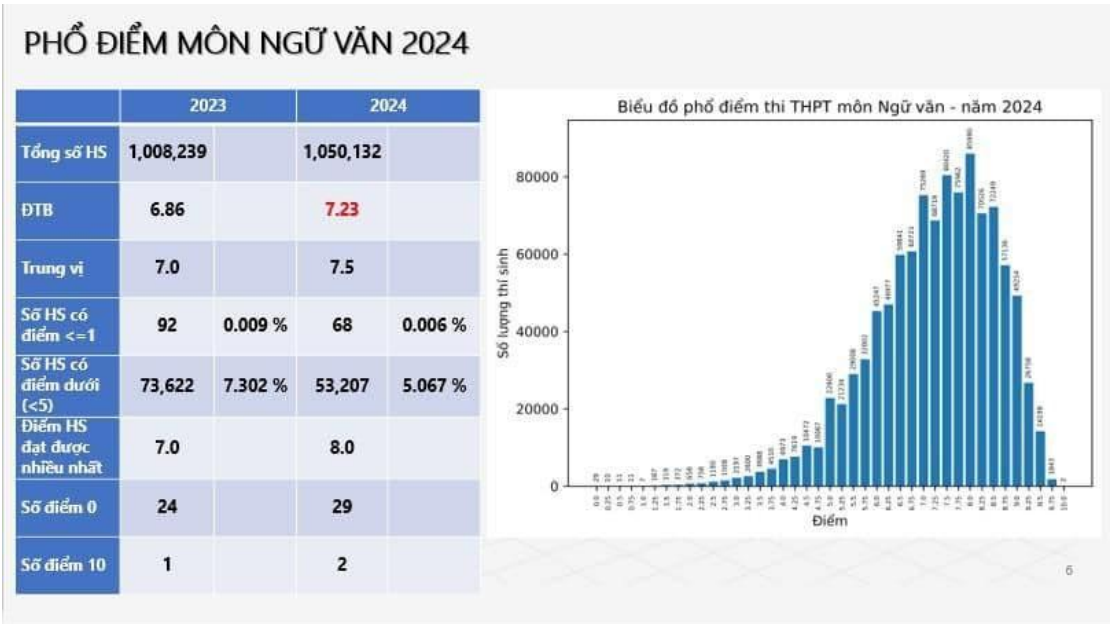
Dưới đây là chi tiết phổ điểm thi tốt nghiệp THPT 2024

Môn toán:



Điểm trung bình môn Toán năm nay là 6.45. Điểm học sinh đạt nhiều nhất là 7.6, có 76 bài thi rơi vào điểm liệt.

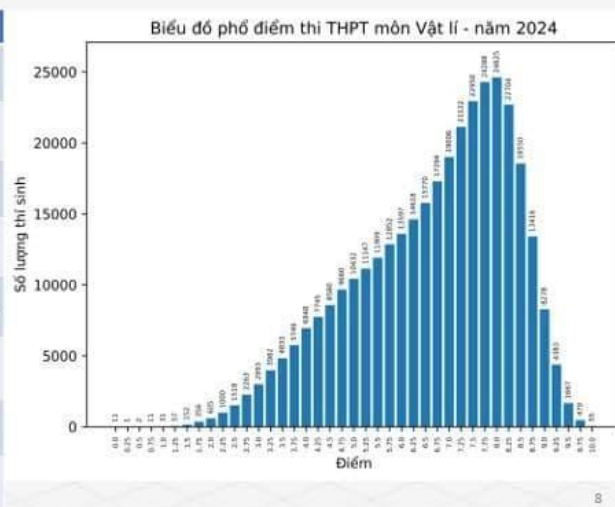
Môn Văn



Vật Lý

PHỔ ĐIỂM MÔN VẬT LÍ 2024

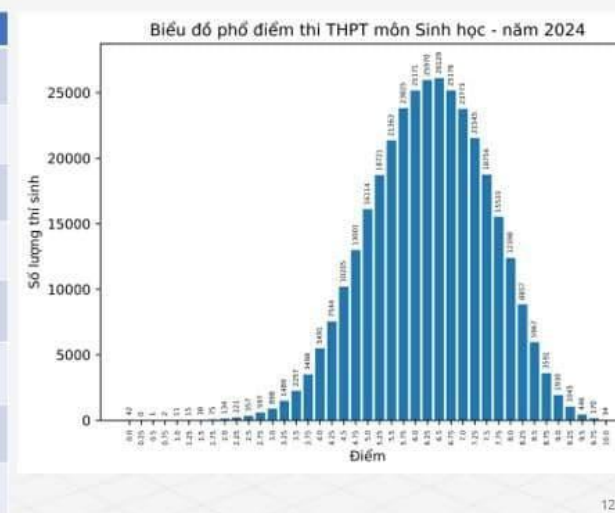
	2023	2024
Tổng số HS	327,188	345,630
ĐTB	6.57	6.67
Trung vị	6.75	7.0
Số HS có điểm ≤ 1	23	56
Số HS có điểm dưới (<5)	48,379	56,497
Điểm HS đạt được nhiều nhất	7.5	8.0
Số điểm 0	10	11
Số điểm 10	70	55



Môn Sinh

PHỔ ĐIỂM MÔN SINH HỌC NĂM 2024

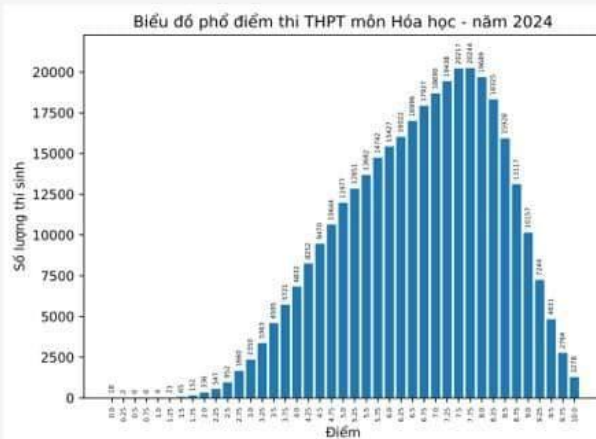
	2023	2024
Tổng số HS	324,625	342,388
ĐTB	6.39	6.28
Trung vị	6.5	6.25
Số HS có điểm ≤ 1	36	56
Số HS có điểm dưới (<5)	33,754	45,876
Điểm HS đạt được nhiều nhất	6.5	6.5
Số điểm 0	19	42
Số điểm 10	135	34



Môn Hóa

PHỔ ĐIỂM MÔN HÓA HỌC 2024

	2023	2024
Tổng số HS	328,117	346,530
ĐTB	6.74	6.68
Trung vị	7.0	6.75
Số HS có điểm <= 1	14	24
Số HS có điểm dưới (<5)	38,375	54,984
Điểm HS đạt được nhiều nhất	7.5	7.75
Số điểm 0	3	18
Số điểm 10	137	1,278

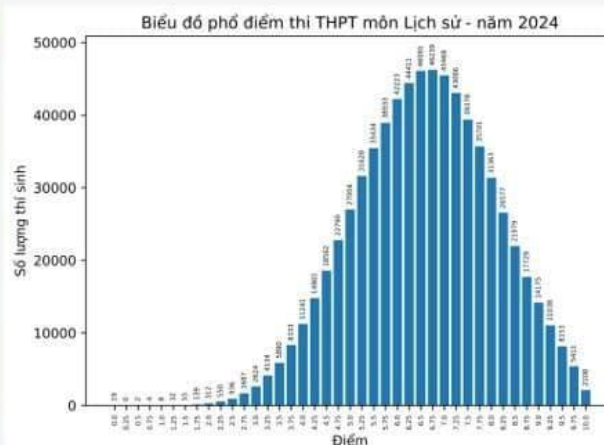


10

Môn Lịch sử

PHỔ ĐIỂM MÔN LỊCH SỬ 2024

	2023	2024
Tổng số HS	683,447	706,229
ĐTB	6.03	6.57
Trung vị	6.0	6.5
Số HS có điểm <= 1	38	33
Số HS có điểm dưới (<5)	170,237	92,119
Điểm HS đạt được nhiều nhất	5.75	6.75
Số điểm 0	5	19
Số điểm 10	789	2,108

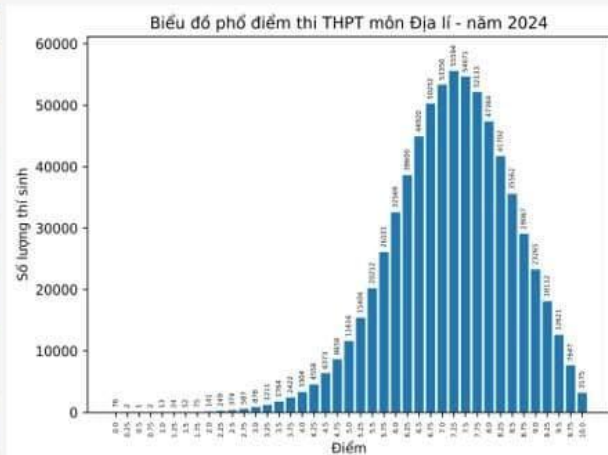


14

Môn địa lý

PHỔ ĐIỂM MÔN ĐỊA LÍ 2024

	2023		2024	
Tổng số HS	682,134		704,701	
ĐTB	6.15		7.19	
Trung vị	6.25		7.25	
Số HS có điểm <= 1	112	0.016 %	94	0.013 %
Số HS có điểm dưới (<5)	91,073	13.351 %	30,764	4.366 %
Điểm HS đạt được nhiều nhất	6.25		7.25	
Số điểm 0	80		76	
Số điểm 10	35		3,175	

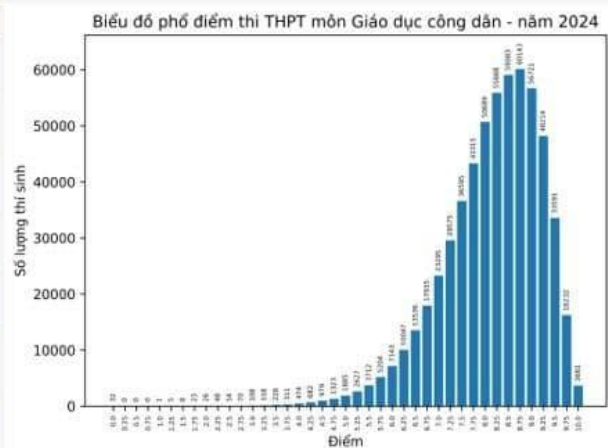


15

Môn Giáo dục công dân

PHỔ ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2024

	2023		2024	
Tổng số HS	565,452		583,619	
ĐTB	8.29		8.16	
Trung vị	8.5		8.25	
Số HS có điểm <= 1	26	0.005 %	33	0.006 %
Số HS có điểm dưới (<5)	5,492	0.971 %	4,528	0.776 %
Điểm HS đạt được nhiều nhất	9.0		8.75	
Số điểm 0	22		32	
Số điểm 10	14,693		3,661	



18

Môn ngoại ngữ (Tiếng anh)

PHỔ ĐIỂM MÔN NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) 2024

	2023		2024	
Tổng số HS	876,102		906,549	
ĐTB	5.45		5.51	
Trung vị	5.2		5.2	
Số HS có điểm <= 1	192	0.022 %	145	0.016 %
Số HS có điểm dưới (<5)	392,784	44.833 %	386,861	42.674 %
Điểm HS đạt được nhiều nhất	4.2		4.6	
Số điểm 0	6		14	
Số điểm 10	494		565	

